



Chuyện bà Phan Bội Châu



Phan Bội Châu (1867-1940) là một nhà yêu nước vĩ đại. Suốt đời ông đã quên mình và quên cả gia đình, hoạt động vì dân vì nước. Ông làm được điều này, một phần nhờ sự hy sinh cao cả của vợ ông, bà Phan Bội Châu.

Bà Phan Bội Châu tên thật là Thái Thị Huyền, con ông Thái Văn Giai. Ông Thái Văn Giai là một nhà Nho thôn Đức Nam, làng Diên Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, và là bạn học của ông Phan Văn Phổ, thân sinh Phan Bội Châu. Bà Thái Thị Huyền sinh năm 1866 (bính dần), lớn hơn chồng một tuổi.

Phan Bội Châu vốn có chí hoạt động cách mạng, muốn trì hoãn việc lập gia đình, nhưng ông là con trai độc nhất trong một gia đình đã bốn đời có con trai một, nên thân sinh ông bắt ông phải cưới vợ sớm. Hai ông bà đính hôn lúc còn nhỏ tuổi, và làm lễ cưới năm 1888 (mậu tý) do sự sắp đặt của gia đình hai bên.

Cưới vợ được tám năm, ông vẫn chưa có con mà thân phụ ông muốn có cháu bông, nên bà Thái Thị Huyền (chánh thất, vợ cả) đã cưới bà thứ thất (vợ nhỏ) cho chồng năm 1896.(1)

Chẳng bao lâu bà thứ thất sinh được một con trai và bà chánh thất (bà Huyền) cũng sinh thêm một trai nữa. Theo tục lệ xưa, tuy con bà chánh thất sinh sau, nhưng được làm anh, còn con bà thứ thất sinh trước, lớn tuổi hơn, lại phải làm em. Để khẳng định tôn ty trong gia đình, Phan Bội Châu đặt tên con bà chánh thất (nhỏ tuổi hơn) là Phan Nghi

Huynh, con bà thứ thất (lớn tuổi hơn) là Phan Nghi Đệ. "*Nghi huynh nghi đệ*" có nghĩa là "*anh xứng đáng ra anh, em xứng đáng ra em.*" Cách thức sắp đặt gia đình của Phan Bội Châu theo đúng đạo cương thường trong Nho giáo.

Phan Bội Châu vốn không có chí khoa cử sĩ hoạn, nhưng để có điều kiện hoạt động cách mạng, ông dự kỳ thi hương tại trường thi Nghệ An năm canh tý (1900) và đỗ giải nguyên (thủ khoa). Sau đó Phan Bội Châu vào Huế mượn cơ theo học trường quốc tử giám để tìm cách liên kết nhân tài. Cuối năm 1904 (giáp thìn), đang học ở Huế, Phan Bội Châu xin phép trường Quốc Tử Giám về quê ăn Tết, thật ra là rời Huế để chuẩn bị qua Nhật hoạt động. Trước khi ra đi vào năm 1905, Phan Bội Châu đã tự viết hai tờ giấy ly dị vợ giao cho hai bà để phòng thân, rủi công việc của ông bị bại lộ, nhà cầm quyền có thể đến làm phiền hai bà, thì hai bà trưng giấy ly dị để khỏi bị liên lụy.(2)

Phan Bội Châu viết rất nhiều, nhưng ngược lại rất ít nói về gia đình. Sách vở cũng ít đề cập đến gia đình Phan Bội Châu, do đó, không thấy nói tên bà thứ thất, và cũng không biết bà sinh và mất năm nào. Có thể bà từ trần trước khi Phan Bội Châu bị bắt về nước năm 1925, vì khi người Pháp dẫn giải Phan Bội Châu từ Hà Nội vào Huế cuối năm đó, đi ngang qua thành Nghệ An, chỉ có một mình bà chánh thất đến gặp Phan Bội Châu được nửa giờ đồng hồ. Trong câu đối khóc bà vợ thứ, Phan

Bội Châu kể:

“Có chồng mà ở góa, mấy chục năm tròn, ơn trời gặp hội đoàn viên,[3] vội bỏ đi đâu, trao gánh nặng về phần chị cả;

“Vì nước phải liều mình, biết bao bạn cũ, cõi Phật đưa lời trân trọng, thiêng thời phải gắng, chung lòng hăng hái với thầy tôi.”

Bà chánh thất Thái Thị Huyền từ trần năm 1936 (bính tý). Chúng ta biết được điều này dựa vào niên biểu câu đối an ủi vợ lúc lâm chung và lời Phan Bội Châu kể cho các con nghe về bà mẹ lớn.

Sau đây là câu đối Phan Bội Châu gởi về an ủi vợ lúc sắp mất:

“Tráp niên dư cầm sắc bất tương văn, khổ vũ thê phong, chỉ ảnh vì phu, nhật hướng sần nhi huy nhiệt lệ;

“Cửu tuyền hạ băng thân như kiến ván, di sơn điền hải, hữu thủy tương bá, thiên xai lão hán bá không quyền.”[1936]

Tạm dịch:

“Hai mươi năm đàn nhip không hòa, gió thảm mưa sầu, lấy ảnh làm chồng, ngày ngóng dần con tuôn giọt lệ;

“Dưới chín suối bạn bè gặp hỏi, đời non lấp biển, có ai giúp mợ, trời ghen thân lão năm tay không.”

Sau đó, khi bà Thái Thị Huyền từ trần, Phan Bội Châu làm câu đối khóc vợ:

“Tình cờ động khách năm châu, hơn ba mươi năm chồng có như không, cố đứng vững mới ghê, nuốt đắng ngậm cay tròn đạo mẹ;

“Khen khéo giữ bốn đức, gần bảy mươi tuổi sống đau hơn thác, thôi về mau cho khỏe, đền công trả nợ nặng vai con.”(4)

Về phần hai người con trai của Phan Bội Châu, cha là một nhà khoa bảng nổi tiếng, nhưng vì yêu nước, đi làm cách mạng, nên gia đình quá nghèo túng khó khăn, đã phải đi sống nhờ ở nhà người khác, và không được học hành gì nhiều. Có người nói rằng, thuở nhỏ hai ông phải đi trốn tránh để khỏi bị Pháp bắt, nhưng vẫn nhiều lần bị các hương chức địa phương làm khó dễ, kể cả gia đình người con gái là vợ của ông Vương Thúc Oánh.(5)

Khi Phan Bội Châu bị Pháp đưa về an trí ở

Huế, Phan Nghi Đệ cùng vợ con vào Huế hầu hạ phụ thân. Phan Nghi Huynh ở lại Nghệ An hầu hạ bà mẹ ruột và là bà vợ cả của Phan Bội Châu. Sự phân công này trong gia đình có lẽ một phần vì bà thứ thất, thân mẫu của ông Phan Nghi Đệ đã từ trần trước 1925. Phan Nghi Huynh chỉ vào Huế vài lần thăm cha rồi trở ra Nghệ An sinh sống với mẹ.

Phan Nghi Đệ sống bên cạnh Phan Bội Châu cho đến khi thân phụ qua đời năm 1940. Năm 1946, Phan Nghi Đệ chạy tản cư về An Truyền (làng Chuồn), huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên, và từ trần tại đây. Sau đó ông được cải táng về nằm cạnh cha trong vườn nhà của Phan Bội Châu ở dốc Bến Ngự, Huế.

Để hiểu rõ hơn về bà Phan Bội Châu, có lẽ nên nghe lời ông kể về bà cho các con ông nghe:

“Này con,

“Các con ơi! Cha mấy e chết rày mai, có lẽ với mẹ mấy không được một phen gặp nhau nữa! Nhưng nếu trời thương ta, cho hai ta đồng thời gặp nhau ở suối vàng cũng vui thú biết chừng nào.

“Nhưng đau đớn quá! Mẹ mấy e chết trước ta. Ta hiện giờ nếu không chép sơ những việc đời Mẹ mấy cho các con nghe, thời các con rồi đây không biết rõ Mẹ mấy là người thế nào, có lẽ bảo Mẹ ta cũng như người thường thả cả.

“Than ôi! Ta với Mẹ mấy, vợ chồng “thật” gần năm mươi năm, mà quan quả “giả” gần bốn mươi năm [quan: vợ chết, quả: chồng chết]. Khi sống chẳng mấy hồi tương tự; mà đến khi chết lại chỉ tin tức nghe hơi! Chúng mấy làm con người, đã biết nỗi đau đớn của Cha mấy với Mẹ mấy, chắc lòng mấy con thế nào cũng an thích được.

“Bây giờ ta hơn lúc sắp sửa chết, mà chưa chết, đem lịch sử Mẹ mấy nói với mấy.

“Mấy nên biết, nếu không có Mẹ mấy, thời chỉ của Cha mấy đã hư hỏng những bao giờ kia.

“Cha ta với Tiên nghiêm [cha] của Mẹ mấy xưa, đều là nho cũ rất nghiêm giữ đạo đức xưa. Mẹ mấy lớn hơn ta một tuổi. Hai ông đính hôn gia với nhau từ khi con còn nên



một. Tới năm Mẹ mây hai mươi ba tuổi [tuổi ta, tức 1888], về làm dâu nhà ta. Lúc ấy, Mẹ ta bỏ ta đã tám năm, trong nhà duy có cha già với em gái bé. Ta vì sinh nhai bằng nghề dạy trẻ, luôn năm ngôi ở quán phương xa, cái gánh sớm chiều gạo nước gỏi vào trên vai Mẹ mây. Cha ta đối với con dâu rất nghiêm thiết, nhưng chẳng bao giờ có sắc giận với Mẹ mây. Cha ta hưởng thọ được bảy mươi tuổi, nhưng bệnh nặng từ ngày sáu mươi. Liên miên trong khoảng mười năm, những công việc thuốc thang hầu hạ bên giường bệnh, cho đến các việc khó nhọc nặng nề mà người ta không thể làm, thấy thấy một tay Mẹ mây gánh cả. Kể việc hiếu về thờ ông gia, như Mẹ mây là một việc hiếm có vậy.

“Trước lúc cha ta lâm chung [1900], ước một phút đồng hồ, gọi Mẹ mây bỗng mây tới cạnh giường nằm, chúc ta rằng: “Ta chết rồi, mây phải hết sức dạy cháu ta, và hết sức thương vợ mây. Vợ mây thờ ta rất hiếu, chắc trời cũng làm phúc cho nó.” Xem lời nói lâm chung của Cha ta như thế, cũng đủ biết nhân cách Mẹ mây rồi.

“Năm Cha ta sáu mươi sáu tuổi [1896], còn hiếm cháu trai, vì ta là con độc đinh [con trai duy nhất], nên cha ta cũng khát cháu lắm. Mẹ mây muốn được chóng sinh trai cho vừa lòng Cha, nên gấp vì ta cưới thứ mẫu mây, chẳng bao lâu mà em mây sinh. Trong lúc thăng Cu mới ra đời, Mẹ mây gánh vác việc ôm ấp đùm bọc hơn một tháng. Cha ta được thấy cháu đầu hoan hỉ quá chừng. Thường nói với ta rằng: “Ta chỉ còn một việc chết chưa nhắm mắt, là mây chưa trả cái nợ khoa danh mà thôi”.(6) Mẹ mây nhân đó càng ân đức thứ mẫu mây, thân yêu nhau hơn chị em ruột.

“Kể đức nhân về ân ái với người phận em như Mẹ mây cũng ít có.

“Cứ hai chuyện như trên, bảo Mẹ mây là Mẹ hiền về thời cữ chắc không quá đáng. Nhưng mà bắt buộc cho ta phải trọn đời nhớ luôn, thời lại vì có một việc: Nguyên lai nhà

ta chỉ có bốn tám phen tre sông, chẳng bao giờ chứa gạo tới hai ngày. Nhưng vì trời cho tính quái đặc: thích khoản khuếch [khoản dãi rộng rãi], hay làm ân. Hễ trong túi đựng được đồng tiền, thấy khách hỏi tức khắc cho ngay. Thường tới khi từ trường quán về, ta tất mang luôn khách về nhà, khách hoặc năm,

sáu người, có khi mười người chẳng hạn, nhưng chiều hôm sớm mai, thiếu những gì tất hỏi Mẹ mây. Mẹ mây có gì đâu! Chỉ dựa vào một triềng [gánh] hai thùng, từ mai tới hôm [từ sáng tới tối] mà hễ nghe chồng đòi gì thời có nấy. Bổng dạy học của ta tuy có nhiều, nhưng chưa một đồng xu nào là tay Mẹ mây được xài phí. Khổ cực mấy nhưng không sắc buồn; khó nhọc mấy nhưng không tiếng giận. Từ năm ta ba mươi sáu tuổi [1902], cho tới ngày xuất dương,

những công cuộc kinh dinh việc nước, Mẹ mây ngầm biết thấy, nhưng chưa từng hé răng một lời. Duy có một ngày kia, ta tình cờ ngồi một mình, Mẹ mây ngồi dựa cột, kể một bên ta nói: “Thầy chắc toan bắt cộp đó mà? Cộp chưa thấy bắt mà người ta đã biết nhiều sao thế?” Mẹ mây tuy có nói câu ấy, mà lúc đó ta làm ngơ, ta thiết dờ quá!

“Bây giờ nhắc lại trước khi ta xuất dương, khoảng hơn mười năm. Nghèo đói mà bạn bè nhiều; cùng khốn mà chí khí vững, thiệt một phần nửa là nhờ ân Mẹ mây.

“Tới ngày ta bị bắt về nước, Mẹ mây được gặp ta một lần ở thành tỉnh Nghệ, hơn nửa tiếng đồng hồ chỉ có một câu nói rằng: “Vợ chồng ly biệt nhau hơn hai mươi năm, nay được một lần giáp mặt Thầy, trong lòng tôi đã mãn túc rồi, từ đây trở về sau, chỉ trông mong Thầy giữ được lòng Thầy như xưa, Thầy làm những việc gì mặc Thầy, Thầy không phiền nghĩ tới vợ con.”

“Hỡi ôi! Câu nói ấy ấy bây giờ còn phảng phất bên tai ta, mà té ra ử dài năm tháng, chẳng một việc gì làm, chốc chẵn mười năm.

“Phông khiến Mẹ mây mà chết trước ta, thời trách nhiệm của ta e còn nặng mãi mãi.



*Suối vàng quanh cách, biết lối nào thăm; đầu
bạc trăm năm, còn lời thề cũ. Mẹ mây thật
chẳng phụ ta, ta phụ Mẹ mây!*

*“Công nhi vong tư” chắc Mẹ mây cũng lượng
thứ cho ta chứ “. [1936](7)*

Hình ảnh bà Thái Thị Huyền, qua lời kể chuyện của Phan Bội Châu, có thể được xem là biểu tượng của thế hệ phụ nữ Việt Nam theo truyền thống Nho phong ngày xưa, âm thầm gian khổ gánh vác toàn bộ công việc gia đình, để chồng có thể dồn mọi nỗ lực lo việc đất nước. Đúng như lời Phan Bội Châu đã viết: *“Nghèo đói mà bạn bè nhiều, cùng khổn mà chỉ khi vưng, thiệt một phần nửa là nhờ ân Mẹ mây “. Một nửa sự nghiệp của Phan Bội Châu là nhờ bà Thái Thị Huyền vưng tay lo việc gia đình. Chẳng những riêng Phan Bội Châu, mà hầu như một nửa sự thành công của nhiều danh nhân là nhờ ơn các bậc hiền phụ.*

CHÚ THÍCH :

1. Theo tục lệ ngày xưa, vợ cả (chánh thất) cưới vợ nhỏ (thứ thất) cho chồng.

2. Tôn Quang Phiệt, “Một vài kỷ niệm về Phan Bội Châu”, đăng trong Ông già Bến Ngự, hồi ký của một nhóm tác giả, Nxb. Thuận Hóa, Huế 1982, tr. 53.

3. Hội đoàn viên: ý chỉ việc Phan Bội Châu ghé Nghệ An trên đường bị Pháp dẫn từ Hà Nội vào Huế năm 1925.

4. Các câu Phan Bội Châu an ủi và khóc vợ trích từ Chương Thâu, Phan Bội Châu toàn tập, tập 6, Nxb. Thuận Hóa, 1990, tt. 442-444.

5. Tôn Quang Phiệt, bài đã dẫn, tt. 53-55.

6. Lúc này Phan Bội Châu chưa đậu cử nhân. Năm 1900 (canh tý), ông đậu giải nguyên (đậu đầu) kỳ thi Hương trường thi Nghệ An vào tháng 7 thì tháng 9 cụ Phan Văn Phổ từ trần.

7. Chương Thâu, Phan Bội Châu toàn tập, tập 4, Nxb. Thuận Hóa, 1990, tt. 349-351.

“Công nhi vong tư” nghĩa là lo việc chung mà quên việc riêng.

CẨM SẮT

Thơ

Lý Thương Ẩn (813- 858)

*Cẩm sắt vô đoan ngũ thập huyền
Nhất huyền nhất trụ tứ hoa niên
Trang Sinh hiểu mộng, mê Hồ Diệp
Vọng đế xuân tâm thác Đỗ Quyên
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ
Lam Điền nhật noãn ngọc sinh yên
Thử tình khả dãi thành truy ức
Chỉ thị đương thời dĩ vãng nhiên.*

KIỀU

Nguyễn Du (1776- 1820)

*Khúc đầu đầm ấm dương hòa
Ấy là Hồ Diệp hay là Trang Sinh
Khúc đầu êm ái xuân tình
Ấy hồn Thục Đế hay mình Đỗ Quyên
Trong như châu nhỏ duyên quyền
Ấm như hạt ngọc Lam Điền mới đông*

Bản dịch lục bát
của **Trần Trọng San**

*Cây đàn năm chục đường dây
Mỗi dây mỗi trụ nhớ ngày còn xanh
Mơ màng giấc bướm Trang Sinh
Ngày xuân vọng đế Đỗ Quyên gửi vào
Biển xanh trắng chiếu lệ châu
Ngọc phơi nắng ấm khói cao Lam Điền
Tình này đợi nhớ nên niềm
Thế nhưng đã ngậm ngùi duyên bấy giờ*

Bản dịch thất ngôn bát cú
của **Khương Hùng Chấn**

*Cây đàn cẩm sắt mấy mươi dây
Phím dây gợi nhớ thuở nào đây
Trang Sinh, Hồ Diệp ai mê mộng
Thục Đế, Đỗ Quyên giải lòng này
Trăng sáng biển xanh châu nhỏ lệ
Lam Điền nắng ấm ngọc thành mây
Tình này lẽ đợi nên lưu niệm
Ngại nỗi thời xưa ngao ngán thay*